

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2019/DS-PT

Ngày: 01- 8 - 2019

*V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản, yêu
cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán:

Ông Lê Phước Thanh

Ông Mai Xuân Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Quách Đức Dũng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 01 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2019 về: “*Tranh chấp thừa kế tài sản, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 710/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Q; trú tại: số 353 đường TP, phường B1, thị xã A, tỉnh Bình Định; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Văn P, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn S; cư trú tại: khu vực HK, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Hoàng C; cư trú tại: khu vực HK, phường Nh, thị xã A, tỉnh

Bình Định; vắng mặt.

- Bà Phạm Thị H; cư trú tại: khu vực PS, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Kim C1; cư trú tại: huyện T3, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Th; cư trú tại: thị xã A, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C1, bà Th: Ông Bùi Văn P, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định;

- Ông Phạm Văn T; cư trú tại: thị xã A, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- Ông Phạm Văn T1; cư trú tại: khu vực HK, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định. Ông T1 ủy quyền cho vợ là bà Võ Thị N; có mặt.

- Bà Võ Thị N; có mặt.

- Anh Phạm Hồng T2; có mặt.

- Chị Phạm Thị Tổ Tr; có mặt.

Cùng cư trú tại: Khu vực HK, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Bà Nguyễn Thị H1; có mặt.

- Chị Phạm Thị Quỳnh Tr1; ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H1 (Giấy ủy quyền ngày 20/5/2019), có mặt.

Cùng cư trú tại: thị xã A, tỉnh Bình Định; Địa chỉ liên hệ: số 96/1 đường V, phường B1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H1: Ông Lê Văn K; Cư trú tại: phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định (theo văn bản ủy quyền ngày 14/12/2018). Có mặt.

- Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định; địa chỉ: số 78 đường L, phường B1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh H2, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thị xã A; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Phạm Văn Q, Ông Phạm Văn S, Bà Nguyễn Thị H1; đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1].*Nguyên đơn ông Phạm Văn Q trình bày:*

Cụ Phạm H3 chết 2003, cụ Tiêu Thị X chết năm 2010, có 8 người con gồm: Phạm Văn T1, Phạm Hoàng C, Phạm Văn S, Phạm Thị H, Phạm Văn T, Phạm Văn Q, Phạm Thị Kim C1, Phạm Thị Th.

Khi còn sống cụ H3 và X có tạo lập được khối tài sản gồm:

Đất tại thửa số 554, tờ bản đồ số 05, diện tích 495 m², tọa lạc tại khu vực HK, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định. Trên đất có ngôi nhà từ đường do vợ chồng ông T1, bà N xây dựng, nguyên đơn không yêu cầu chia ngôi nhà, chỉ yêu cầu chia phần đất trống từ trước ra sau bên hông ngôi nhà mà ông T1, bà N đang

quản lý, sử dụng; yêu cầu chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế gồm: ông Q, ông C, ông T, bà H, bà C1, bà Th để làm nhà Từ đường thờ cúng ông bà.

Thửa đất số 548, tờ bản đồ số 05, diện tích 250 m², tọa lạc tại khu vực HK, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định trên đất có nhà do vợ chồng ông T1 xây dựng. Nguồn gốc thửa đất do ông H3 bà X mua của vợ chồng bà Tô Thị Yến, ông Bùi Văn K1 vào năm 1990, hiện nay do ông S đang quản lý sử dụng. Trên đất có ngôi nhà của vợ chồng ông T1, bà N. Nay Ông yêu cầu chia thừa kế giá trị thửa đất trên, ai nhận đất thì thanh toán cho các đồng thừa kế giá trị chênh lệch. Ngoài ra, năm 2014 Nhà nước mở rộng đường quốc lộ 1A có bồi thường giá trị đất tổng cộng là 475.000.000 đồng, bà N là người nhận tiền, ông yêu cầu chia số tiền đền bù cho các đồng thừa kế. Đồng thời yêu cầu Tòa hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông S đối với thửa đất 548 nêu trên.

[2]. *Bị đơn ông Phạm Văn S trình bày:*

Ông thông nhất như lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ gia đình, thời gian mất của cha mẹ, cha mẹ chết không để lại di chúc.

Về di sản cha mẹ chết để lại gồm nhà, đất tại thửa số 554, tờ bản đồ số 05, diện tích 495 m², tọa lạc tại khu vực HK, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định là của cha mẹ để lại làm nhà từ đường. Nay phía nguyên đơn yêu cầu chia phần đất trống bằng hiện vật, ông không đồng ý. Nếu vợ chồng bà N, ông T1 đồng ý chia thì Ông xin nhường phần của mình cho vợ chồng ông T1, bà N.

Đối với thửa đất số 548, tờ bản đồ số 05, diện tích 250 m², tọa lạc tại khu vực HK, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định trên đất có nhà do vợ chồng ông T1 xây dựng. Nguồn gốc thửa đất này, do ông T1 gửi tiền về cho Cha mẹ ông mua của vợ chồng bà Tô Thị Y, ông Bùi Văn K1 vào năm 1990, ông T1 gửi tiền về và đưa cho bà Phạm Thị H4 làm chứng hiện nay thửa đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Ông. Nay nguyên đơn yêu cầu chia thửa đất trên, ông không đồng ý vì thửa đất này là của ông T1, bà N mua chứ không phải của cha mẹ để lại. Số tiền đền bù bà N nhận là đúng vì đất của vợ chồng ông T1, bà N. Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn, Ông không có ý kiến gì.

[3]. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T1, bà Võ Thị N trình bày:*

Bà thông nhất theo ý kiến của ông Phạm Văn S.

Nhà, đất tại thửa số 554, tờ bản đồ số 05, diện tích 495 m², tọa lạc tại khu vực HK, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định bà thừa nhận thửa đất của cha mẹ

chồng, còn nhà do vợ chồng Bà xây dựng. Nay phía nguyên đơn yêu cầu chia thừa đất bằng hiện vật thì Bà chỉ đồng ý chia thừa kế thừa đất trên theo giá trị; Bà xin nhận nhà, đất vì vợ chồng bà đã ở tại nhà đất trên từ năm 1982 đến nay và thanh toán lại giá trị đất cho các đồng thừa kế.

Đối với thừa đất số 548, tờ bản đồ số 05, diện tích 250 m², tọa lạc tại khu vực HK, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định là của vợ chồng bà mua chứ không phải của cha mẹ, Bà không đồng ý phân chia.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hồng T2, chị Phạm Thị Tố Tr trình bày: thống nhất theo ý kiến của bà Võ Thị N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hoàng C, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị Kim C1, bà Phạm Thị Th trình bày: thống nhất như trình bày và yêu cầu của ông Phạm Văn Q.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, chị Phạm Thị Quỳnh Tr1 trình bày:

Bà là vợ của ông Phạm Văn S nhưng đã ly hôn vào năm 2005. Đối với nhà đất tại thửa số 548, tờ bản đồ số 05, diện tích 250m², tại khu vực HK, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định, không phải của vợ chồng Bà vì khi về làm dâu Cha mẹ chồng đã mua và vợ chồng bà về ở, nhà đất trên không có liên quan gì đến bà. Nay có sự tranh chấp giữa các anh chị em ông S, bà không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông S, bà không có ý kiến gì. Nhưng tại phiên hòa giải ngày 12/11/2018 bà H1 có yêu cầu trả lại thừa đất cấp cho hộ ông S có phần bà H1 và chị Tr1 tại thửa đất 548 tờ bản đồ số 5; nhưng hiện nay ông S đã chuyển nhượng sang tên cho vợ chồng bà N, nên phải hủy Hợp đồng này.

Đại diện Ủy ban nhân dân thị xã A trình bày:

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ ông Phạm Văn S là cấp theo Nghị định 64/1993/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, theo kê khai đăng ký của ông S và được nhà nước giao đất theo thực tế đang sử dụng. Việc tranh chấp của gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

[4]. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 688, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Văn Q.

- Giao cho Phạm Văn T1, bà Võ Thị N, anh Phạm Hồng T2, chị Phạm Thị Tô Tr được quyền sử dụng 495 m² (trong đó có 200 m² đất ở và 295 m² đất vườn), thửa số 554, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu vực HK, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định (Có sơ đồ kèm theo).

- Ông Phạm Văn T1, bà Võ Thị N, anh Phạm Hồng T2, chị Phạm Thị Tô Tr có nghĩa vụ thanh toán cho:

+ Ông Phạm Hoàng C, ông Phạm Văn S, ông Phạm Văn T mỗi người 170.693.750 đồng (Một trăm bảy mươi triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

+ Ông Phạm Văn Q, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Kim C1, bà Phạm Thị Th mỗi người 203.463.750 đồng (Hai trăm không ba triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn Q cho rằng thửa đất số 548, tờ bản đồ số 05, diện tích 250 m², tọa lạc tại khu vực HK, phường Nh, là di sản của cụ H3, cụ X và hủy hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 12/12/2018, ông Phạm Văn Q kháng cáo phần bản án dân sự sơ thẩm về yêu cầu chia thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 548 tờ bản đồ số 5 đứng tên ông Phạm Văn S.

Ngày 13/12/2018, ông Phạm Văn S kháng cáo phần bản án dân sự sơ thẩm với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Ông tại thửa 548 tờ bản đồ số 5, trả lại diện tích thửa đất 548 nêu trên cho vợ chồng ông Phạm Văn T1 bà Võ Thị N.

Ngày 06/12/2018, bà Nguyễn Thị H1 kháng cáo phần bản án dân sự sơ thẩm không giải quyết yêu cầu của Bà về việc ông T1 bà N trả lại cho gia đình Bà thửa đất 548 tờ bản đồ số 5 nêu trên; đồng thời yêu cầu tuyên hủy phần diện tích đất tại thửa 548 tờ bản đồ số 5 mà Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã giao cho vợ chồng ông T1 bà N.

[5]. *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Ông Phạm Văn Q xin rút một phần kháng cáo về yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất 548, tờ bản đồ số 5, diện tích 250m²; chỉ còn giữ yêu cầu kháng cáo hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 548 đứng tên ông Phạm Văn S để

tạo điều kiện cho gia đình về tự thỏa thuận với nhau.

- Ông Phạm Văn S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 548 đứng tên Ông, để tạo điều kiện cho gia đình thỏa thuận giải quyết.

- Bà Nguyễn Thị H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông Q có ý kiến là thửa đất 548 do cụ H3 cụ X đứng tên mua nhà đất từ năm 1990 có chứng nhận của chính quyền lúc bấy giờ; đồng thời thửa đất 548 này đã được chủ cũ kê khai lần đầu năm 1984, như vậy cụ H3 và cụ X mới có quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc nhà nước giao đất theo định mức nhân khẩu cho người đang sử dụng đất đối với thửa đất 548 là sai, vì đất đã có nhà, có chủ đã đăng ký kê khai và đã thực hiện chuyển nhượng, mua bán; đồng thời gia đình ông S chỉ được ở tạm, nhà trên đất là của ông T1 bà N mà giao đất cho ông S là không đúng. Ông S kê khai lại theo Nghị định 64 là ảnh hưởng đến quyền lợi của những người đã kê khai trước và ảnh hưởng đến quyền lợi của cụ H3 cụ X, của ông T1 bà N, của tất cả những người con cụ H3 cụ X; đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 548 cấp năm 1993 đứng tên ông S để gia đình có điều kiện thỏa thuận với nhau, duy trì sự đoàn kết trong gia đình.

Kiểm sát viên có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị: diện tích thửa đất 548 tranh chấp không phải của ông Phạm Văn S nhưng ông S đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng, tuy nhiên có thể khắc phục bằng cách thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho đúng người có quyền sử dụng đất mà không cần phải hủy Giấy chứng nhận. Đối với kháng cáo yêu cầu chia thừa kế của ông Q, thì ông Q đã rút kháng cáo nên đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về nội dung tranh chấp:

Cụ Phạm H3 và cụ Tiêu Thị X có 08 người con gồm: Phạm Văn T1, Phạm Hoàng C, Phạm Văn S, Phạm Thị H, Phạm Văn T, Phạm Văn Q, Phạm Thị Kim C1, Phạm Thị Th. Ông Q khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản gồm:

Đất tại thửa số 554, tờ bản đồ số 05, diện tích 495 m², tọa lạc tại khu vực

HK, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định. Trên đất có ngôi nhà từ đường do vợ chồng ông T1, bà N xây dựng.

Thửa đất số 548, tờ bản đồ số 05, diện tích 250 m², tọa lạc tại khu vực HK, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định trên đất có nhà của vợ chồng ông T1 bà N. Nguồn gốc thửa đất do ông H3 bà X mua nhà đất của bà Tô Thị Y, ông Bùi Văn K1 vào năm 1990, vợ chồng ông T1 bà N sửa chữa lại nhà và cho ông S ở tạm; ông S được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993.

Nguyên đơn còn có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông S đối với thửa đất 548 nêu trên. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” là đúng pháp luật.

[2]. Phạm vi các kháng cáo:

Ông Phạm Văn S kháng cáo một phần của bản án sơ thẩm với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Ông vào năm 1993 tại thửa 548. Theo ông S thì đây là tài sản có nguồn gốc do tiền của bà N ông T1 nhờ cha mẹ là ông H3 bà X đứng tên mua nhà đất năm 1990. Thực tế là ông T1 bà N đã xây dựng sửa chữa nhà trên đất và cho Ông ở tạm. Do vậy xác định kháng cáo của ông S là yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 548 đứng tên Ông.

Ông Phạm Văn Q kháng cáo yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông S tại thửa 548 vì cho rằng đất và nhà là của ông H3 và bà X. Lý do kháng cáo là ông H3 bà X đứng tên mua nhà đất của bà Y từ năm 1990, nên thửa đất này là của ông H3 bà X.

Bà Nguyễn Thị H1 kháng cáo yêu cầu xem xét lại phần Bản án sơ thẩm không giải quyết yêu cầu ông T1 bà N trả lại nhà đất tại thửa 548 cho Bà và ông S.

Như vậy các kháng cáo chỉ yêu cầu xem xét lại việc giải quyết liên quan đến thửa đất 548 và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phạm Văn Q. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q rút phần kháng cáo yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 548, việc rút là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm về yêu cầu này.

[3]. Xét kháng cáo của ông Q và ông S thì thấy: Thửa đất 548 có nguồn gốc là thửa 952, tờ bản đồ số 4 (năm 1983), đã được bà Y đăng ký kê khai sử dụng lần đầu vào Sổ mục kê ruộng đất năm 1984. Vào ngày 19/7/1991 vợ chồng bà Y ông K1 đã làm giấy bán lại nhà đất nêu trên cho ông H3 bà X. Năm 1993 ông Phạm Văn S làm thủ tục kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông. Theo Văn bản 153/UBND ngày 05/3/2018 của UBND thị xã A nêu ông S có kê khai đăng ký và được cân đối diện tích giao quyền sử dụng theo sổ nhân khẩu trong gia đình theo Nghị định 64/CP, tuy nhiên Nghị định 64/CP năm 1993 là cân đối giao đất sản

xuất nông nghiệp. Trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông S có nhiều thửa đất nông nghiệp. Bản thân vợ chồng ông S và bà H1 có nhà và đất ở riêng ở thửa 1508 tờ bản đồ số 5, diện tích 198m² tại thôn HK, xã Nh, huyện A khi ly hôn thì vợ chồng ông bà đã được Tòa án phân chia nhà đất này xong. Như vậy thửa đất ở 548 đã được bà Y kê khai đăng ký sử dụng lần đầu và đã chuyển nhượng cho ông H3 bà X. Trường hợp này ông S không được đương nhiên kê khai để được công nhận quyền sử dụng đất mà người có quyền được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ông H3 bà X. Vì vậy ông S kê khai đăng ký quyền sử dụng đất ở đứng tên mình là không đúng theo quy định Điều 33 Luật đất đai 1993.

Hiện trên đất có nhà do vợ chồng ông T1 bà N xây dựng sửa chữa; việc này phù hợp với lời khai của ông S là mục đích mua nhà đất của ông H3 và bà X là để cho ông T1 (con trai cả ở).

Trong trường hợp này, theo quy định pháp luật hiện nay thì ông H3 và bà X là người có Giấy tờ mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15/10/1993 và đã sử dụng từ thời gian đó, nên được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (điểm d khoản 1 Điều 100 Luật đất đai 2013). Do ông H3 và bà X đã chết nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông bà phải thỏa thuận thống nhất khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sai đối tượng, Người được cấp Giấy chứng nhận đã kê khai không đúng sự thật về nguồn gốc (quy định hiện nay tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013). Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm ông Phạm Văn S thừa nhận thửa đất 548 không phải của Ông và có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đã cấp đứng tên Ông; bà Võ Thị N cũng không chấp nhận ông S được đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Các đương sự đều có đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông S cấp năm 1993 để các thành viên trong gia đình có liên quan tự thỏa thuận giải quyết; đây là những tình tiết mới, hợp lý hợp tình; vì vậy cần phải hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bảo đảm về quyền và lợi ích hợp pháp cho tất cả các bên đương sự và duy trì tình đoàn kết trong gia đình. Do chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận nên sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm về toàn bộ nội dung tranh chấp đối với thửa đất 548 tờ bản đồ số 5 diện tích 250m² tại khu vực HK, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định.

[4]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1 thì thấy: vụ án được thụ lý từ ngày 25/10/2017; bà H1 đã tham gia phiên hòa giải ngày 09/11/2017 (bút lục 440) có lời trình bày xác nhận nhà đất tại thửa 548 không phải của vợ chồng bà nên không có liên quan gì và không có yêu cầu gì. Tại biên bản hòa giải ngày 25/10/2018 bà H1 cũng đã khẳng định lại tài sản nhà đất do Cha mẹ chồng mua từ trước, vợ chồng bà vào ở nên không liên quan gì và không có ý kiến gì. Đến ngày 05/11/2018 thì bà H1

có ý kiến yêu cầu lấy lại thửa đất 548 của gia đình. Bản án sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu của bà H1 là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Từ đó không chấp nhận kháng cáo của bà H1.

[5]. Từ những căn cứ trên, thấy cần chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn S và Phạm Văn Q, sửa một phần bản án sơ thẩm, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 548 tờ bản đồ số 5 đã cấp cho ông Phạm Văn S năm 1993 là hợp lý. Đồng thời do đương sự rút yêu cầu kháng cáo về việc chia thừa kế đối với thửa đất 548 nên đình chỉ xét xử phúc thẩm về yêu cầu này.

[6]. Do bản án sơ thẩm bị sửa một phần, tất cả những người kháng cáo đều liên quan đến phần bản án bị sửa nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1; chấp nhận kháng cáo kháng cáo của ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn S, sửa một phần (mục 3 phần quyết định) bản án sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của ông Q về yêu cầu chia di sản thừa kế là giá trị quyền sử dụng thửa đất 548, tờ bản đồ số 5, diện tích 250m² tại khu vực HK, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3. Áp dụng Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01703QSDĐ/I13, số: B 823880 cấp ngày 03/11/1993 của thửa đất 548, tờ bản đồ số 5, diện tích 250m² tại khu vực HK, phường Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định đứng tên ông Phạm Văn S.

4. Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm ông Phạm Văn Q và Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị H1 không phải chịu. Hoàn trả cho ông Q số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số 0003572 ngày 17/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định. Hoàn trả cho ông S số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số 0003574 ngày 17/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0003576 ngày 17/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định

5. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long